

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO TDK HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO TDK HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDK HA NOI TRADE AND ADVERTISING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TDK HA NOI CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109280108

3. Ngày thành lập: 24/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 04, dãy N10, tổ dân phố số 1, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0939.928.128

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn (trừ loại nhà nước cấm)	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1812
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
5.	Bán buôn đồ uống (trừ loại nhà nước cấm)	4633
6.	Quảng cáo (trừ loại nhà nước cấm)	7310(Chính)
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;	4610
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác xuất nhập khẩu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác mua bán hàng hóa	8299
9.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá ngoại)	4711
13.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá)	4719
14.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
17.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
19.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
20.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá phụ tùng mô tô, xe máy)	4543
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);	5510
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Giao nhận hàng hóa	5229
26.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4931
27.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
28.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
29.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

33.	Bốc xếp hàng hóa	5224
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Phá dỡ	4311
39.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
40.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
50.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
51.	Bán buôn tổng hợp (trừ dược phẩm và các loại Nhà nước cấm)	4690
52.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
55.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
66.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
67.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
68.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
69.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
71.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯỜNG DUY KHANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/03/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034096004503

Ngày cấp: 20/03/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hương Tân, Xã Nam Hà, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hương Tân, Xã Nam Hà, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội